

BẢN TIN IOC VIỆT NAM

ỦY BAN HẢI DƯƠNG HỌC LIÊN CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 1, Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hoà; ĐT: 84-258-3590772, 84-258-3590035 ;
Email: iocvn.info@gmail.com; Web: http://www.ioc.vn

THÔNG TIN HỘI NGHỊ CẤP CAO LIÊN HỢP QUỐC VỀ THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SỐ 14



UNITED NATIONS
**OCEAN
CONFERENCE**

LISBON
27 JUNE -
1 JULY
2022

Việt Nam khẳng định cam kết phát triển đại dương xanh, bền vững, thực hiện đầy đủ Công ước Luật biển tại Hội nghị cấp cao Liên hợp quốc về thực hiện Mục tiêu Phát triển bền vững số 14 về đại dương (27/6 – 1/7/2022, Lisbon, Bồ Đào Nha)

PGS.TS. Đào Việt Hà – Chủ tịch IOC Việt Nam

**VIỆN HÀN LÂM KHCN VIỆT NAM THAM GIA HỘI NGHỊ CẤP CAO LIÊN HỢP QUỐC HỖ TRỢ
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SỐ 14 (27/6 – 1/7/2022, Lisbon, Bồ Đào Nha)** Trang 2-4

PGS.TS. Đào Việt Hà, Chủ tịch IOC Việt Nam

**NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ BIỂN VÀ VAI TRÒ KINH TẾ TRONG BẢO VỆ CÁC QUYỀN VÀ
LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG** Trang 5-9

PGS.TS. Nguyễn Tác An, Phó Chủ tịch Hội KHKT Biển Việt Nam

“Kinh tế biển là những hoạt động công nghiệp tổng hợp, liên ngành diễn ra trên biển, nhận sản phẩm đầu ra từ biển (tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các hệ sinh thái biển), và cung cấp đầu vào cho biển là các công nghệ, khoa học - kỹ thuật, dịch vụ, chính sách quản lý, phát triển, theo các mối quan hệ biện chứng”.....

LƯỢNG GIÁ KINH TẾ CÁC DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI BIỂN Trang 10-13

PGS.TS. Đào Việt Hà, Chủ tịch IOC Việt Nam; ThS. Đặng Thị Hải Yến, Viện Hải dương học

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN THÀNH PHỐ NHA TRANG- NHÌN TỪ GÓC ĐỘ KINH TẾ -
SINH THÁI** **PGS.TS. Võ Sĩ Tuấn, Viện Hải dương học** Trang 14-18

NHA TRANG – KHÁNH HÒA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN Trang 19-23

PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi, Phó Chủ tịch thường trực Hội Nghề cá Việt Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM THAM GIA HỘI NGHỊ CẤP CAO LIÊN HỢP QUỐC HỖ TRỢ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SỐ 14 (27/6 – 1/7/2022, Lisbon, Bồ Đào Nha)

PGS.TS. Đào Việt Hà, Chủ tịch IOC Việt Nam

Tại Hội nghị, đoàn Việt Nam tham dự nhiều hoạt động quan trọng trong khuôn khổ Hội nghị UNOC 2022, với các phiên thảo luận chuyên đề về Luật biển, tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững biển và đại dương, các vấn đề axit hóa đại dương, kiểm soát kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản... Để giải quyết một số vấn đề quan trọng nhất của thời đại như biến đổi khí hậu, mất an ninh lương thực, dịch bệnh và đại dịch, suy giảm đa dạng sinh học, bất bình đẳng kinh tế và thậm chí cả tranh chấp, xung đột, chúng ta phải hành động ngay bây giờ để bảo vệ đại dương của chúng ta...

Từ ngày 27/6-1/7/2022, Hội nghị cấp cao của Liên hợp quốc về hỗ trợ thực hiện mục tiêu phát triển bền vững thứ 14 (SDG 14) về bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển (UNOC) với chủ đề “*Nhân rộng các hành động đại dương dựa trên khoa học và đổi mới nhằm thực hiện SDG 14: kinh nghiệm, đối tác và giải pháp*” đã diễn ra tại Lisbon, Bồ Đào Nha với sự tham gia của hàng trăm nhà lãnh đạo cấp cao của các nước, đại diện các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các bên liên quan khác trên toàn thế giới. Là một trong những hội nghị cấp cao quan trọng của LHQ về phát triển liên quan đến biển và đại dương, UNOC 2022 được tổ chức nhằm tổng kết và đánh giá quá trình 5 năm thực hiện SDG 14 kể từ Hội nghị UNOC lần thứ nhất năm 2017 và xác định các biện pháp và chương trình hành động cụ thể tiếp theo để đạt được các mục tiêu của SDG 14.



Đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị UNOC 2022, từ phải qua: Ông Đặng Hoàng Giang – Đại sứ Trưởng Phái đoàn Thường trực Việt Nam tại Liên Hợp Quốc; PGS.TS. Đào Việt Hà - Viện trưởng Viện Hải dương học – Viện Hàn lâm KHCNVN, Chủ tịch IOC Việt Nam; Bà Nguyễn Tường Vân – CV Bộ ngoại giao

Chương trình Hội nghị gồm các phiên toàn thể và các phiên thảo luận chuyên đề diễn ra song song với 08 chủ đề: (i) Khắc phục ô nhiễm môi trường biển; (ii) Thúc đẩy và tăng cường phát triển bền vững kinh tế biển, đặc biệt đối với các quốc đảo nhỏ đang phát triển và các nước kém phát triển; (iii) Quản lý, bảo vệ, bảo tồn, và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển; (iv) Giảm thiểu và khắc phục tình trạng axit hóa đại dương, suy giảm oxy trong nước biển và tình trạng nóng lên của đại dương; (v) Bảo đảm phát triển bền vững nghề cá và tạo cơ hội tiếp cận thị trường và nguồn lợi biển cho các ngư dân đánh bắt thủ công quy mô nhỏ; (vi) Tăng cường tri thức khoa học, năng lực nghiên cứu và chuyển giao công

nghe; (vii) Tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương và tài nguyên biển thông qua thực thi pháp luật quốc tế, như được phản ánh trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS). Nhiều sự kiện đặc biệt và các sự kiện bên lề khác cũng diễn ra sôi nổi xung quanh Hội nghị.

Tại Hội nghị, các bên khẳng định đại dương có vai trò quan trọng đối với hòa bình và an ninh, sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững, thịnh vượng của các quốc gia. Ba thách thức chính các đại dương đang phải đối mặt hiện nay bao gồm biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm biển. Đây là những thách thức xuyên biên giới và không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết được. Đại dịch COVID-19 càng làm trầm trọng thêm các thách thức này. Các bên nhất trí thúc đẩy hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học biển, và xây dựng nền kinh tế xanh bền vững để giảm thiểu, giải quyết các thách thức này. Tổng thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres đề xuất bốn kiến nghị giúp khắc phục tình trạng khẩn cấp của đại dương hiện nay bao gồm đầu tư vào kinh tế bền vững; sử dụng đại dương là mô hình quản lý các vấn đề toàn cầu; bảo vệ đại dương và những người sống phụ thuộc vào đại dương; và đầu tư vào các hệ thống cảnh báo sớm để bảo vệ các cộng đồng ven biển. Các nước đưa nhiều cam kết tự nguyện để thực hiện mục tiêu SDG 14.

Cùng với phái đoàn của Bộ Ngoại giao Việt Nam do Thứ trưởng Phạm Quang Hiệu làm trưởng đoàn, PGS. TS. Đào Việt Hà, Viện trưởng Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Chủ tịch IOC Việt Nam đã đại diện cho Việt Nam phát biểu tại Phiên thảo luận chuyên đề về “Giảm thiểu và khắc phục tình trạng axit hóa đại dương, suy giảm oxy và ấm lên của đại dương”. Trước dự báo suy giảm rạn san hô tại Biển Đông (50% vào năm 2050 và 25% vào năm 2100); PGS. TS. Đào Việt Hà nhấn mạnh, Việt Nam nhận thức rất rõ về mối nguy cơ đối với hệ sinh thái và môi trường biển từ tình trạng axit hóa đại dương và ven biển và những thách thức trong hướng nghiên cứu này tại Việt Nam.



PhGS. TS. Đào Việt Hà phát biểu tại Hội nghị

PhGS. TS. Đào Việt Hà đã nêu bật những cố gắng của Việt Nam trong việc tiếp cận, thử nghiệm phương pháp nghiên cứu; các kết quả nghiên cứu đánh giá hiện trạng axit hóa đại dương tại một số vùng biển ven bờ Việt Nam và tính thích ứng của một số hệ sinh thái biển nhạy cảm (rạn san hô...) đối với tình trạng axit hóa đại dương hiện nay. Mặt khác, những đề xuất cải thiện, hiệu chỉnh phương pháp và cách tiếp cận đã được đúc kết từ kinh nghiệm, bài học thực tiễn khi ứng dụng phương pháp chuẩn của thế giới tại điều kiện Việt Nam. Trong bài phát biểu của mình, PGS. TS. Đào Việt Hà đã báo cáo về sáng kiến mới của Việt Nam về “Cứu rạn san hô của chúng ta-chương trình đa phương trong nghiên cứu tính thích ứng của rạn san hô” trong khuôn khổ hành động của IOC/WESTPAC đóng góp cho mục tiêu phát triển bền vững SGD 14.

Tại Phiên toàn thể của Hội nghị, Thứ trưởng Phạm Quang Hiệu phát biểu bày tỏ quan ngại về các thách thức đại dương đang phải đối mặt, khẳng định việc thực thi đầy đủ và hiệu quả UNCLOS, khuôn khổ pháp lý toàn diện cho mọi hoạt động trên biển, là điều kiện tiên quyết để đạt được mục tiêu SDG 14. Tại Biển Đông, các nước cần thực hiện đầy đủ và hiệu quả UNCLOS và DOC. Thứ trưởng khẳng định

chiến lược biển của Việt Nam hướng tới xây dựng nền kinh tế biển xanh bền vững. Việt Nam ủng hộ đàm phán xây dựng thỏa thuận toàn cầu về rác thải nhựa đại dương và nhấn mạnh biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng là mối đe dọa toàn cầu và các nước cần hợp tác với nhau để giải quyết. Bên cạnh thông tin về những nỗ lực của Việt Nam nhằm ứng phó với các thách thức trên trong suốt thời gian qua, Thứ trưởng kêu gọi hợp tác quốc tế, các nước phát triển cần hỗ trợ cho các nước đang phát triển xây dựng năng lực, tài chính và chuyển giao công nghệ. Quan điểm này được nhiều nước tại Hội nghị chia sẻ. Cũng tại Hội nghị này, Việt Nam tiếp tục đưa ra cam kết tự nguyện “Việt Nam chủ động chuẩn bị và tham gia xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đại dương”, tiếp nối thành công của thực hiện cam kết “Phát triển và nhân rộng các khu vực được quản lý bởi cộng đồng/doanh nghiệp địa phương nhằm phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái ở vùng biển ven bờ” Việt Nam đưa ra tại Hội nghị UNOC lần thứ nhất năm 2017. Các hoạt động của sáng kiến đã góp phần làm tăng diện tích khu vực bảo vệ, giảm đánh bắt bất hợp pháp trong các khu bảo tồn, khuyến khích khối tư nhân tham gia quản lý và sử dụng nguồn lợi biển, góp phần thực hiện mục tiêu quản lý, sử dụng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái vùng biển ven bờ của SDG 14. Tại Phiên thảo luận chuyên đề về “Tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương và tài nguyên thông qua thực thi luật pháp quốc tế, như được phản ánh trong Công ước Luật biển”, Đại sứ Trưởng Phái đoàn Thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc Đặng Hoàng Giang tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của UNCLOS trong việc thực hiện SDG 14.



Đại sứ Đặng Hoàng Giang, Đại diện thường trực của Việt Nam tại LHQ, phát biểu tại Hội nghị
Ảnh Khắc Hiếu - TTXVN

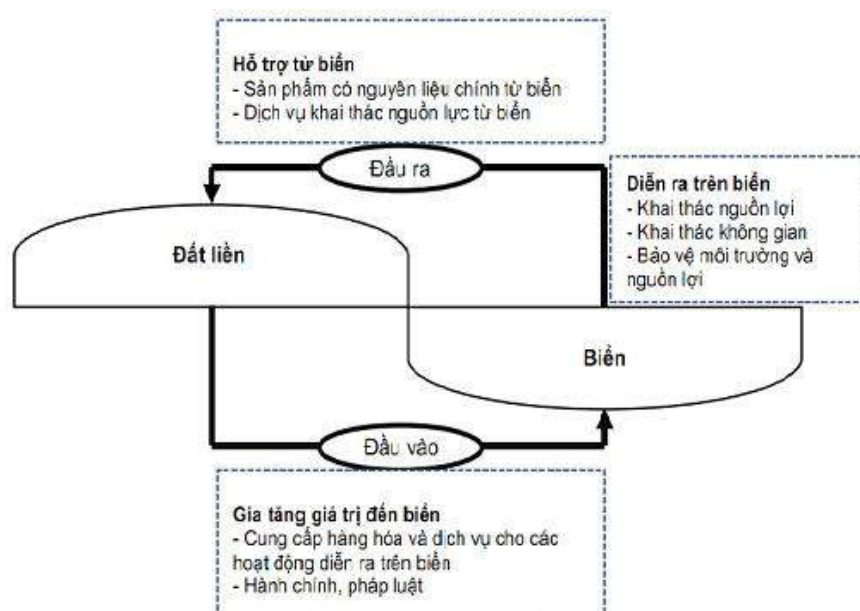
Chuyên đề Kinh tế Biển xanh

NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ BIỂN VÀ VAI TRÒ KINH TẾ TRONG BẢO VỆ CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG

PGS.TS. Nguyễn Tác An, Phó chủ tịch Hội KHKT Biển Việt Nam

Khái niệm về kinh tế biển

Hàng ngàn năm qua, mọi hoạt động kinh tế ở biển đều liên quan mật thiết và được quyết định từ trong đất liền. Con người sử dụng hệ tư duy “đất liền, lục địa”, dựa vào nền tảng lý luận khoa học kinh tế lục địa để hoạch định các chiến lược, chính sách khai thác, sử dụng biển và đại dương. Kinh tế biển thời gian qua là nền kinh tế lục địa (kinh tế nông nghiệp) kéo dài ra biển, ra đại dương. Về bản chất, kinh tế biển truyền thống, bao gồm toàn bộ những hoạt động kinh tế diễn ra trên biển (theo nghĩa hẹp: kinh tế thuần biển) và các hoạt động kinh tế trên đất liền liên quan đến khai thác biển (theo nghĩa rộng). Đây là nền kinh tế dựa vào nguồn lực của biển, đại dương, hải đảo và vùng ven biển theo tư duy “lục địa”, tư duy “nông nghiệp” có thay đổi ít nhiều. Hiện nay, tuy vẫn chưa thống nhất được về định nghĩa, nhưng các nhà kinh tế hiện đại đều cho rằng: **“Kinh tế biển là những hoạt động công nghiệp tổng hợp, liên ngành diễn ra trên biển, nhận sản phẩm đầu ra từ biển (tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các hệ sinh thái biển...), và cung cấp đầu vào cho biển là các công nghệ, khoa học - kỹ thuật, dịch vụ, chính sách quản lý, phát triển, theo các mối quan hệ biện chứng”** (Hình 1).



Hình 1: Mối quan hệ biện chứng giữa đất liền, biển và kinh tế biển
(Mô phỏng theo Park Kildow, 2014; OECD, 2016)

Đây chính là quá trình “công nghiệp hóa các tài nguyên địa lý của biển và đại dương”. Khác với nền kinh tế lục địa, trên đất liền, hướng nội, khép kín, lấy nông nghiệp làm chủ đạo, kinh tế biển là nền kinh tế mở, hướng ngoại, lấy thương mại làm trọng tâm.

Tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế biển

Kinh tế biển mang lại nhiều lợi ích, hiệu quả trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Nền kinh tế biển có những đặc điểm cơ bản, là nền kinh tế của khoa học, công nghệ, của tiềm lực tài chính, ngoại giao, quân sự và đặc biệt là nền kinh tế của những nhận thức, tư duy mới, mang tính thời đại. Hiện nay, hoạt động kinh tế ở đại dương và các vùng biển ước tính có đến 15 lĩnh vực chủ yếu như: Dầu khí, khai khoáng, vận tải, cảng biển, nghề cá, du lịch, nghỉ dưỡng, năng lượng tái tạo, làm ngọt nước biển, cáp ngầm qua biển (chưa tính kinh tế quốc phòng)..., có giá trị gia tăng (GVA), khoảng 1,5 nghìn tỷ USD, tương đương 2,5% tổng giá trị gia tăng thế giới năm 2010. Đánh giá chung, kinh tế biển có doanh số hàng năm khoảng 1–3 nghìn tỷ USD, chiếm khoảng 2–15% tổng giá trị kinh tế thế giới. Tổng giá trị chức năng, dịch vụ sinh thái (khí hậu, nước, đất, dinh dưỡng...) từ các hệ sinh thái biển ước tính khoảng 21 nghìn tỷ USD/năm. Nhiều quốc gia đang tập trung phát triển một số ngành kinh tế biển mới như kinh tế thông tin, năng lượng tái tạo từ gió, sóng biển, thủy triều; khai thác khoáng sản đáy biển sâu; sinh học và công nghệ sinh học biển; phát triển ngành hàng hải theo hướng thân thiện với môi trường; xây dựng nghề cá và nuôi trồng thủy, hải sản theo hướng bền vững, đảm bảo tiêu chí an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, hiện nay các lĩnh vực của nền kinh tế biển đang chịu tác động mạnh bởi những tiến bộ của khoa học và công nghệ. Sự phát triển kinh tế biển bền vững đang phải đối mặt với 6 vấn đề cốt lõi, có quy mô toàn cầu: nghề cá thiếu bền vững; khí hậu toàn cầu thay đổi và axit hóa đại dương; ô nhiễm và chất thải; mất nơi cư trú và suy giảm đa dạng sinh học; các loài sinh vật ngoại lai; và vấn đề quản trị trong môi trường không gian ba chiều rộng lớn của đại dương thế giới (đại dương chiếm đến 2/3 diện tích trái đất, cần phải cân bằng, dung hòa mâu thuẫn lợi ích giữa các quốc gia, khu vực và toàn cầu).

Trong khu vực Biển Đông, kinh tế biển đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế Việt Nam, gồm các hoạt động truyền thống, như: kinh tế hàng hải; khai thác, chế biến dầu, khí và các loại khoáng sản; khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản; du lịch biển và kinh tế đảo; an ninh quốc phòng biển/công nghiệp quốc phòng biển; các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển. Quy mô kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam phát triển tương đối nhanh, trong gần 20 năm qua (1995–2017), tăng đến 2–4 lần. Năm 2008 quy mô kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam ước tính chỉ khoảng 52–53 tỷ USD, chiếm 47–48% GDP cả nước (2008). Sau hơn 15 năm, năm 2016–2017, đã đạt được khoảng 175–196 tỷ USD, chiếm đến 78–88% GDP cả nước. Trong các ngành kinh tế biển, đóng góp của các ngành kinh tế diễn ra trên biển chiếm tới 98%, chủ yếu là khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển), du lịch biển. Các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy, hải sản, thông tin liên lạc... bước đầu phát triển, nhưng quy mô còn rất nhỏ bé (chỉ chiếm khoảng 2% kinh tế biển và 0,4% tổng GDP cả nước). Những lĩnh vực kinh tế biển Việt Nam có tính quốc tế cao nhất: Một là khai thác dầu khí, chủ yếu là liên doanh với nước ngoài (Nga) và xuất khẩu 100% sản phẩm. Hai là lĩnh vực hải sản có kim ngạch xuất khẩu lớn, khoảng 9 tỷ USD (năm 2018). Ba là kinh tế du lịch, nhất là du lịch biển. Năm 2019, ngành Du lịch Việt Nam đã đón hơn 18 triệu lượt khách quốc tế (tăng 16,2% so với năm 2018), phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu đạt khoảng 720.000 tỷ đồng. Với kết quả này, Việt Nam được đánh giá là một trong 10 quốc gia có mức tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới. Bốn là các cảng lớn - là cửa ngõ thông thương với nước ngoài. Có thể nói, ngành vận tải biển, bao gồm

hệ thống cảng biển, là yếu tố động lực phát triển kinh tế trong khu vực. Cụm cảng Việt Nam có lợi thế là nằm gần một trong những tuyến đường biển thông thương lớn nhất thế giới, trong vùng nguyên liệu địa phương, lao động dồi dào. Việc mở rộng cảng ở vùng này còn tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch, dịch vụ. Tuy nhiên, trong thực tế, do những yếu kém về quản lý, về quy hoạch không gian phát triển, kinh tế cảng biển Việt Nam đang phải đối mặt với những khó khăn như các cơ sở hạ tầng, các mối liên kết - logistic và cách thức tổ chức, khai thác thiếu tính cạnh tranh. Các chỉ tiêu hàng hóa thông qua cảng trên đầu người rất thấp so với các nước trong khu vực. Ước tính, hàng năm doanh thu từ logistic có đến 6–8 tỷ USD, tuột khỏi tay các đơn vị kinh doanh dịch vụ hàng hải bản địa, đang bị nước ngoài chi phối. Thêm vào đó, tác động đến môi trường sinh thái, xã hội do phát triển kinh tế biển cũng đang là vấn đề nổi cộm. Trên cơ sở điều tra, phỏng vấn và dùng mô hình Gutman (1999) xử lý kết quả thăm dò ngẫu nhiên ý kiến của các chuyên gia cho thấy nhận thức ban đầu của họ về tầm quan trọng, vai trò và tác động của một số ngành kinh tế biển trong quá trình phát triển (Bảng 1).

Bảng 1: Ma trận thông tin về vai trò kinh tế, tính hiệu quả xã hội và tác động xấu đến môi trường của một số ngành kinh tế biển theo phiếu thăm dò chuyên gia (thang điểm 100, xử lý theo mô hình Gutman, 1999)

Ngành kinh tế biển và doanh thu (tỷ USD)	Vai trò kinh tế (A)	Hiệu quả xã hội (B)	Tác động xấu đến môi trường (C)	Tổng số điểm $G = A + B - C$	Xếp thứ tự mức độ ưu tiên chọn lựa
Cảng biển 1,2 tỷ USD	89	85	20	154	2
Giao thông vận tải biển 0,751 tỷ	82	67	36	113	5
Đóng tàu 0,195 tỷ	15	12	40	-13	11
Dầu khí (64% GDP biển) 6 tỷ	90	95	30	155	1
Du lịch, nghỉ dưỡng 22,6 tỷ	65	70	17	118	4
Khai thác cá biển và hải sản 3 tỷ	85	75	10	150	3
Nuôi trồng hải sản	70	75	40	105	6
Chế biến hải sản	70	45	45	70	7
Xử lý chất thải	17	8	5	20	9
Lấn biển	15	20	8	27	8
Khai khoáng và vật liệu xây dựng	10	15	35	-10	10
Những ngành nghề khác	?	?	?	?	?

Qua bảng 1 ta thấy phần lớn các ý kiến của chuyên gia đều không đánh giá cao ngành kinh tế khai khoáng, vật liệu xây dựng và đóng tàu. Việt Nam đang nỗ lực thực hiện mục tiêu thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó có kinh tế biển theo hướng phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn tăng trưởng với công bằng xã hội, giảm đói nghèo và bảo vệ môi trường theo các chỉ tiêu giám sát và đánh giá gồm: Chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số bền vững môi trường (ESI), hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và góp phần giảm mạnh tỷ lệ đói nghèo... Việt Nam đang quyết tâm chuyển đổi và phát triển nền kinh tế xanh lam ở Biển Đông, dựa vào các lợi thế: vị trí địa chiến lược - kinh tế, vào quá trình hội nhập và sự cải thiện các chính sách, thể chế, pháp luật trong quản lý, nhằm tạo ra những tiền đề cơ bản để đạt được sự phát triển hài hòa, theo nguyên tắc phát triển dài hơi, xem xét các bài học và kinh nghiệm của thế giới và dựa vào các nguồn lực, trí tuệ và bản sắc dân tộc Việt Nam.

Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền lãnh hải là hai mặt của một vấn đề, có tương quan, gắn kết chặt chẽ với nhau và là công việc dài hơi. Riêng đối với Việt Nam, đất nước có nhiều tiềm năng và các lợi thế về địa chiến lược, địa chính trị và kinh tế biển, cho nên việc hết sức cấp thiết trước mắt là phải tăng cường nhận thức, không chỉ ở cấp chiến lược, mà còn cho rộng rãi cộng đồng trong nước và quốc tế, để “hiếu và thấu hiểu” các vấn đề ở Biển Đông. Việt Nam phải chủ động tăng cường hợp tác với các nước ASEAN, giải quyết các tranh chấp, phù hợp với lợi ích của Việt Nam, trong khuôn khổ “Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển 1982” để “hạ nhiệt” ở Biển Đông. Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là không thể nhượng bộ, là vấn đề không thể mang ra “mặc cả” và không thỏa hiệp. Chúng ta cần quốc tế hóa vấn đề Biển Đông bằng nhiều con đường, trong đó phải coi trọng diễn đàn Liên hiệp quốc theo 2 nguyên tắc cơ bản: “Luật pháp quốc tế và bình đẳng giữa các quốc gia”.

Quản trị, phát triển kinh tế Biển Đông trong bối cảnh tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực Biển Đông với các đặc điểm địa lý mang tính địa phương, có hơn 20 kiểu hệ sinh thái biển nhiệt đới đặc trưng, có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, có các giá trị chức năng, giá trị địa chiến lược quan trọng cho phát triển kinh tế, xã hội, môi trường và chủ quyền lãnh hải, đã, đang và sẽ đóng vai trò to lớn trong sự phát triển và ổn định của Việt Nam cũng như của khu vực Đông Nam Á, khối ASEAN và Quốc tế. Vấn đề quản trị và sử dụng bền vững không gian biển, đảo không chỉ có giá trị an ninh, ổn định đối với Việt Nam mà còn đối với cả khu vực. Mục tiêu chung của quản trị Biển Đông là tối đa hóa lợi ích kinh tế, môi trường, xã hội, văn hóa và chủ quyền. Trong bối cảnh địa chính trị phức tạp và “nóng” như hiện nay, cần phải quan tâm, lưu ý, tổ chức quản trị phát triển kinh tế Biển Đông theo kỷ cương, dựa vào 6 tiêu chí định hướng: an ninh hàng hải, an ninh sinh thái, tăng trưởng kinh tế, an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản, đa dạng sinh học và góp phần củng cố hòa bình, tăng cường ổn định khu vực. Các phương thức quản lý hiện đại, tuân thủ các quy luật khách quan, luật pháp quốc tế trong khai thác, sử dụng biển, đảo và các vùng biển sâu ở Biển Đông và các vùng bờ biển cần phải dựa vào các cơ sở khoa học, thể chế, kỷ cương và sự hợp tác rộng rãi, hiệu quả. Định hướng có tính chiến lược là triển khai các chương trình quản lý, phòng ngừa, thích nghi và giảm thiểu. Việt Nam đã phác thảo trên những nét chính về một chiến lược quản trị phát triển Biển Đông với mô hình tăng trưởng kinh tế được đặt trọng tâm vào tăng năng suất, dựa trên sự tích lũy cân bằng và phân bổ hiệu quả các nguồn vốn khác nhau - vốn tư nhân, vốn nhà nước, vốn nhân lực, vốn tự nhiên cũng như dựa vào đổi mới sáng tạo. Tập trung thúc đẩy những động lực phát triển thông qua tăng cường cải cách toàn diện và sâu rộng về thể chế và thị trường. Nhiệm vụ chủ yếu của chương trình quản trị là thiết kế các quy trình thể chế tổng hợp, điều hòa để khắc phục việc phân chia vốn có trong cách quản lý theo ngành và sự phân chia quyền lực giữa các cấp chính quyền ở vùng tiếp giáp đất liền - biển - đảo. Công cụ hữu hiệu để đạt được quản trị kỷ cương là một cơ chế phối hợp kết nối các ngành kinh tế biển và vùng bờ, các cấp chính quyền khác nhau, những người sử dụng và công chúng vào quá trình quản lý. Đặc biệt là tập trung nâng cao giá trị sử dụng Biển Đông bằng cách hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông - vận tải; phát triển năng lượng và các lĩnh vực xã hội, văn hóa, sử dụng khoa học, công nghệ trong bảo tồn, phục hồi, tái tạo và phát triển các nguồn tài nguyên tái tạo, thích ứng với biến đổi khí hậu và môi trường địa chính trị phức tạp ở Biển Đông. Các giải pháp đầu tư để phát triển kinh tế xanh, xanh lam, bảo vệ môi trường, sinh thái quan trọng của biển, đảo, quần đảo là các đầu tư quan trọng, cần được ưu tiên. Phát triển bền vững không thể có thực sự đối với Biển Đông, trừ khi có những chiến lược không chỉ mang lại bền vững môi trường, mà còn phải phù hợp với những giá trị xã hội, văn hóa, luật pháp quốc tế và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng ASEAN trong việc xây dựng và thực hiện quản trị phát triển. Trước mắt, thúc đẩy sự hợp tác quốc tế khối ASEAN lớn hơn nữa trong khoa học và công nghệ hàng hải như một phương tiện để kích thích sự đổi mới và tăng cường sự phát triển bền vững của nền kinh tế biển. Tăng cường, tập trung triển khai các chính sách phát triển các cụm hàng hải trong khối ASEAN, đặc biệt là chia sẻ hiệu quả của chúng trong việc kích thích và hỗ trợ các đổi mới công nghệ xuyên ngành trong lĩnh vực hàng hải; thiết lập

mạng lưới thông tin Biển Đông - ASEAN để trao đổi quan điểm và kinh nghiệm trong việc thành lập các trung tâm xuất sắc, vườn ươm đổi mới và các cơ sở đổi mới khác trong lĩnh vực công nghệ hàng hải xuyên ngành và cải thiện việc chia sẻ công nghệ và đổi mới giữa các quốc gia ASEAN ở các cấp độ phát triển khác nhau. Tăng cường quản lý tổng hợp biển, ven biển, đặc biệt điều này sẽ liên quan đến việc sử dụng nhiều hơn các phân tích kinh tế và các công cụ kinh tế trong quản lý tổng hợp, phải thiết lập hệ thống thông tin, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất trong khối ASEAN, đẩy mạnh nỗ lực để đánh giá hiệu quả kinh tế của đầu tư công trong nghiên cứu và quan sát biển. Tăng cường xây dựng năng lực cho tầm nhìn hiện đại của ngành hải dương học, bao gồm đánh giá những thay đổi trong tương lai của các ngành công nghiệp trên Biển Đông và phát triển hơn nữa năng lực khoa học hiện tại của ASEAN để xây dựng, thiết kế và hoàn thiện định hướng trong tương lai của nền kinh tế biển ở quy mô ASEAN và toàn cầu.

Lời kết

Phát triển kinh tế ven biển, biển và hải đảo thích ứng với bối cảnh thế kỷ XXI có hiệu quả, để Việt Nam trở thành một quốc gia biển mạnh trong bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội phức tạp ở Biển Đông là vấn đề rất cấp thiết, có tính thời sự và nhân văn. Xu thế tiến ra đại dương, toàn cầu hóa, hội nhập, biến đổi khí hậu toàn cầu,... tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội và không ít thách thức, đặc biệt là trong bối cảnh “nóng” hiện nay của Biển Đông. Kinh tế thế giới đang được tái cấu trúc mạnh mẽ và bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV, buộc chúng ta phải thúc đẩy mạnh hơn nữa quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, phải chú ý hơn nữa đến tính hiệu quả, chất lượng tăng trưởng và mức độ bền vững. Vấn đề là cách tổ chức quản trị và phát triển: nếu chúng ta không linh hoạt, năng động và tỉnh táo tận dụng tốt cơ hội, thì thách thức sẽ tăng lên và gây khó khăn, cản trở cho sự nghiệp hưng thịnh của Việt Nam ở Biển Đông. Hiện có 3 vấn đề cốt lõi trong quản trị phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông: Thứ nhất là phải truyền thông rộng rãi nhận thức về kinh tế biển và vai trò kinh tế trong bảo vệ các quyền và lợi ích của nước ta về biển, đảo; thứ hai là phải “hiểu và thấu hiểu” tài nguyên Biển Đông và lượng giá tài nguyên và thứ ba là phải tăng cường quản trị, phát triển kinh tế biển trong bối cảnh phức tạp của Biển Đông trên cơ sở khoa học, luật pháp và hợp tác quốc tế, khu vực. Cũng như các nước đang phát triển khác, kinh tế Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào tài nguyên thiên nhiên, trong đó nguồn lợi từ Biển Đông có vai trò cực kỳ quan trọng. Vấn đề nghiên cứu quản lý một cách toàn diện và đồng bộ các quá trình phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông cần đặc biệt lưu ý đến vấn đề quản lý tổng hợp, vấn đề an ninh sinh thái, vấn đề sử dụng không gian biển, đảo và vấn đề hợp tác, chia sẻ quốc tế, nhất là các nước trong khối ASEAN.

Lịch sử 4.000 năm tồn tại và phát triển đã khẳng định: Sức mạnh của dân tộc và thời đại, cộng thêm sự khôn khéo, biết điều, sáng tạo, đột phá trong đường lối chính sách phát triển kinh tế, quốc phòng và đối ngoại, chính là sức mạnh tổng hợp truyền thống của dân tộc Việt Nam để giải quyết có hiệu quả các tranh chấp ở Biển Đông theo nguyên tắc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo để phát triển kinh tế và xã hội bền vững ở Biển Đông. Phát triển kinh tế biển theo chuỗi giá trị toàn cầu đang thúc đẩy một hệ thống kinh tế mới: kinh tế lục địa - kinh tế biển, đại dương, phát triển bền vững, tạo ra xu thế mới “phát triển nền kinh tế xanh lam”, lấy “đại dương nuôi đất liền” và nhân loại sẽ dựa vào “biển, đại dương để phát triển lục địa”.

LƯỢNG GIÁ KINH TẾ CÁC DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI BIỂN

PGS. TS. Đào Việt Hà – Chủ tịch IOC Việt Nam, ThS. Đặng Thị Hải Yến – Viện HDH

Là tài sản tự nhiên lớn nhất trên hành tinh, chứa đựng hơn 99% sinh quyển trên trái đất, đại dương mang lại nhiều lợi ích cho nhân loại: đại dương cung cấp oxy duy trì sự sống cho trái đất; cung cấp 15% nhu cầu protein của nhân loại; giúp làm chậm sự thay đổi khí hậu bằng cách hấp thụ 30% lượng khí thải carbon dioxide và 90% lượng nhiệt dư thừa do hiệu ứng khí nhà kính; giao thông hàng hải vận chuyển khoảng 90% lượng hàng hóa giao dịch quốc tế; cung cấp khoảng 30% tài nguyên dầu và khí đốt trên toàn thế giới (nhưng nguồn năng lượng này đang dần dần được chuyển đổi sang các dạng năng lượng thải carbon thấp như năng lượng gió, thủy triều, mặt trời); tạo sinh kế và công ăn việc làm cho hàng triệu người sống ở các vùng ven biển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản... Tuy nhiên, các hoạt động của con người hiện đang đe dọa các hệ sinh thái biển (hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng triều, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển...) do sự phát triển của các vùng ven biển như gia tăng dân số, các nguồn ô nhiễm từ đất liền và các hoạt động kinh tế của con người. Các nhà khoa học đã thống kê 50% diện tích đầm lầy ngập mặn, 35% diện tích rừng ngập mặn, 30% diện tích rạn san hô và 29% diện tích cỏ biển đã bị mất hoặc suy thoái trên toàn thế giới trong vài thập kỷ. Đánh bắt thủy sản quá mức đã làm suy giảm nguồn lợi thủy sản, suy giảm chất lượng nước biển do sự xuất hiện ngày càng nhiều các loại tảo gây hại, hiện tượng axit hóa đại dương và vấn đề cạn kiệt oxy (thiếu oxy) trong môi trường biển đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ sinh thái biển. Sự mất mát quá nhanh của môi trường biển khơi và vùng ven biển hiện nay đang đe dọa đến lợi ích sinh thái và giá trị kinh tế mà các đại dương mang đến cho loài người.

Với bài viết này tác giả muốn cung cấp thông tin về các “dịch vụ hệ sinh thái biển” với một đặc điểm quan trọng là chúng được kết nối với nhau từ đất liền ra biển. Do đó, thách thức đối với các nhà nghiên cứu biển là đánh giá được những lợi ích phát sinh từ các hệ sinh thái trong mối liên kết sinh cảnh, để từ đó hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách, những người làm công tác quy hoạch phát triển kinh tế biển.

Dịch vụ hệ sinh thái biển

Các lợi ích do hệ sinh thái biển cung cấp cho con người được gọi là các dịch vụ hệ sinh thái biển, bảng 2 cung cấp một số ví dụ về các dịch vụ hệ sinh thái biển, bao gồm cung cấp hàng hóa, các dịch vụ khác nhau và các lợi ích văn hóa.

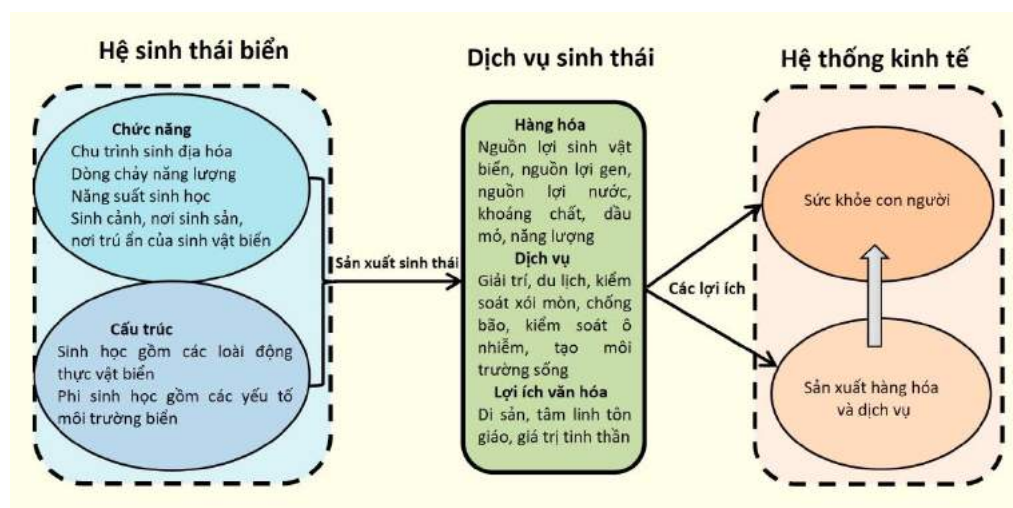
Bảng 2: Các dịch vụ hệ sinh thái biển

Hàng hóa	Dịch vụ	Lợi ích văn hóa
• Nguồn lợi cá biển • Nguồn lợi động thực vật biển • Nguyên liệu thô • Vật liệu di truyền • Nước uống, khoáng chất • Dầu mỏ, khí ga • Nguồn năng lượng sóng, gió, thủy triều, dòng chảy	• Giải trí và du lịch • Vận chuyển hàng hóa • Cơ hội nghiên cứu và giáo dục • Kiểm soát lũ • Chống bão • Kiểm soát ô nhiễm • Môi trường sinh sản và ương giống • Ổn định bờ biển và kiểm soát xói mòn • Cô lập carbon	• Cơ hội nghiên cứu và giáo dục • Giá trị lưu truyền, di sản • Tầm quan trọng của tôn giáo • Không gian sinh tồn • Giải trí và du lịch

Hàng hóa - tạo ra từ nguồn lợi sinh vật biển như nguồn lợi cá biển, nguồn lợi động thực vật biển, nguồn lợi sinh vật cảnh, nguồn nguyên liệu sinh học để sản xuất dược liệu (từ các loài rong tảo, các loài động vật...); các nguồn lợi phi sinh vật như cát biển và dầu khí, nguồn nhiên liệu sinh học, năng lượng sinh khối từ sinh vật biển có thể dùng làm nhiên liệu sinh học, năng lượng biển (từ gió, sóng, dòng chảy, thủy triều) sẽ là các dạng năng lượng mới trong tương lai; lọc nước biển thành nước ngọt, tách muối và các khoáng chất trong nước biển dùng cho y dược và công nghiệp. **Dịch vụ** - các dòng chảy điều hòa, sinh cảnh biển và các hệ sinh thái biển góp phần bảo vệ các dải đất ven biển, giảm xói lở, bồi tụ, giảm cường độ lũ lụt và điều hòa khí hậu; các hệ sinh thái biển (rừng ngập mặn, rạn san hô, cỏ biển) khỏe mạnh sẽ là bãi đẻ và ương ấu trùng con non, là môi trường sống cho các loài sinh vật, bảo vệ nguồn gen sinh vật biển; cỏ biển cùng với đầm lầy ngập mặn và bãi lầy thủy triều có tốt nhiệm vụ cô lập carbon, hấp thụ khí CO₂ từ không khí và lưu trữ trong hệ thống rễ cây, góp phần không hề nhỏ trong nỗ lực kiểm soát biến đổi khí hậu toàn cầu; các dòng hải lưu chính là những tuyến đường giao thông hàng hải vận chuyển hàng hóa; biển đảo có nhiều tiềm năng du lịch giải trí rất đa dạng như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch lặn biển ngắm cá và san hô, hồ cá và bảo tàng biển, xuất khẩu cá cảnh biển. **Lợi ích về văn hóa** – tạo ra không gian sinh tồn cho con người và các giá trị sản phẩm đặc trưng văn hóa biển đảo (như du lịch biển đảo, lễ hội, tâm linh tôn giáo...), nhiều sinh cảnh biển độc đáo đặc biệt quan trọng đối với các cộng đồng bản địa ở khu vực đây, vì họ cảm nhận được nét văn hóa, di sản và kiến thức truyền thống của họ gắn bó chặt chẽ với môi trường sống ở đây, và các giá trị này được truyền lại cho những người thừa kế và thế hệ tương lai. Các giá trị văn hóa mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế quốc dân.

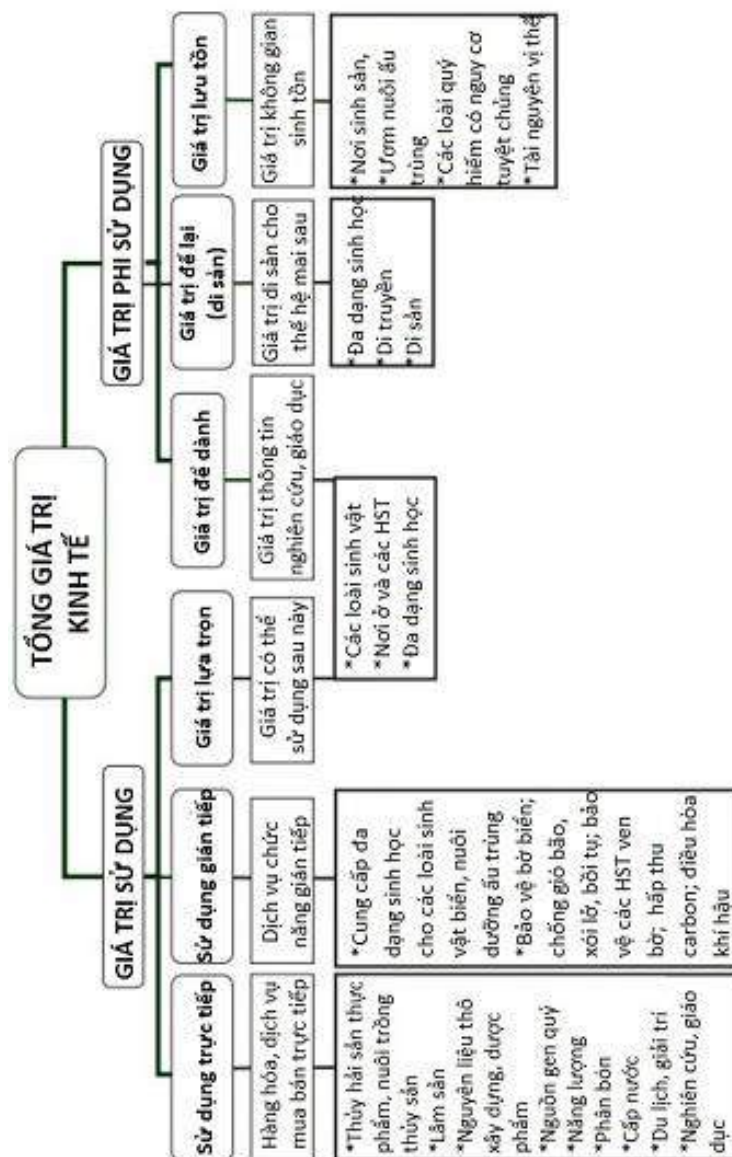
Định lượng các dịch vụ hệ sinh thái biển

Việc định lượng những ‘lợi ích’ do hệ sinh thái đóng góp về mặt phúc lợi cho con người thường được gọi là lượng giá kinh tế các dịch vụ của hệ sinh thái. Dưới góc độ kinh tế, một hệ sinh thái bao gồm các quần xã sinh vật và môi trường nơi các quần xã sinh vật đó sinh sống. Môi trường là một loại tài sản vì nó cung cấp cho con người nhiều loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau. Môi trường có thể cung cấp những hàng hóa trực tiếp như tôm, cá, gỗ củi, các nguồn nguyên vật liệu đầu vào của quá trình sản xuất, các dịch vụ sinh thái như hạn chế bão lũ, chống xói mòn bờ biển, điều hòa khí hậu, điều tiết nước ngầm, cũng như các giá trị đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa lịch sử khác. Nói cách khác, môi trường cung cấp cho con người và hệ thống kinh tế các loại giá trị và khi sử dụng chúng, bằng cách này hay cách khác thì con người sẽ thu về những lợi ích nhất định (Hình 2).



Hình 2: Hệ sinh thái biển tạo ra các lợi ích kinh tế
(Nguồn Edward B. Barbier, 2017, Current Biology)

Phân loại các nhóm giá trị kinh tế là nhiệm vụ đầu tiên trong quá trình lượng giá kinh tế một hệ thống tài nguyên nói chung hay một hệ sinh thái biển nói riêng. Xét về góc độ kinh tế, các nhà kinh tế đã phát triển nguyên tắc phân loại các giá trị kinh tế khi liên hệ với môi trường tự nhiên, có 2 nhóm khác nhau khi đánh giá giá trị của hệ sinh thái gồm giá trị sử dụng (use value) và giá trị phi sử dụng (non-use value). Việc phân loại theo phương pháp của Barton (1994) được tóm tắt theo sơ đồ hệ thống tổng giá trị kinh tế (total economic value - TEV) (Hình 3).



Hình 3: Sơ đồ phân tích các hợp phần của tổng giá trị kinh tế các hệ sinh thái biển (Nguồn Barton, 1994; Trần Đình Lân, 1998)

Thách thức lớn nhất đối với việc lượng giá kinh tế dịch vụ hệ sinh thái biển là không đủ các nguồn thông tin dữ liệu có sẵn và được cập nhật thường xuyên để có thể liên kết đánh giá những thay đổi trong cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái với việc sản xuất hàng hóa và cung cấp các dịch vụ có giá trị. Mặt khác, khi sử dụng một giá trị này của tài nguyên thiên nhiên, thường phải hy sinh một số giá trị khác. Khó có thể trong một phương thức sử dụng lại thu được hết tổng giá trị kinh tế tài nguyên thiên nhiên, do đó chúng ta phải lựa chọn cách thức sử dụng sao cho các giá trị hy sinh là thấp nhất.

Lượng giá kinh tế dịch vụ hệ sinh thái biển sẽ hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách

Phát triển kinh tế biển góp phần to lớn vào sự tăng trưởng kinh tế đất nước, giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu người lao động và góp phần xoá đói giảm nghèo là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế biển không đi đôi với việc xây dựng và bảo tồn đã kéo theo sự suy thoái môi trường biển, làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Việc phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản với tốc độ nhanh như hiện nay tại các đầm phá, eo vịnh, các vùng trồng lúa kém hiệu quả và các hình thức nuôi cá lồng bè vây lưới ở mật độ dày, thải ra một lượng không nhỏ thức ăn dư thừa cũng là tác nhân không nhỏ gây ô nhiễm môi trường biển, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái biển. Có một số ý kiến cho rằng, con người không thể đưa thiên nhiên lên bàn cân để tính thành tiền vì chúng có những giá trị thiêng liêng và quý giá. Nhưng trong hoàn cảnh phát triển kinh tế như vũ bão của các vùng bờ biển, nhận thức của người dân địa phương và các cấp chính quyền còn hạn chế về những giá trị to lớn của các hệ sinh thái biển, thì kết quả lượng giá kinh tế của các hệ sinh thái sẽ là công cụ hữu ích giúp cho các nhà hoạch định chính sách khi ra những quyết sách hợp lý trước những sức ép trong phát triển kinh tế, góp phần quản lý bền vững tài nguyên vùng ven biển của đất nước ta hiện nay. Mặt khác, các hệ sinh thái biển ở các đảo tiền tiêu đều được coi là có giá trị lớn, nhưng thiếu định lượng kinh tế dẫn đến không thể hiểu biết thấu đáo về giá trị thật rất to lớn của chúng. Những cách đánh giá tài nguyên truyền thống theo cách kiểm kê các đối tượng tài nguyên cụ thể, thường chỉ là giá trị sử dụng trực tiếp, không thuyết phục được các nhà quản lý khi phải lựa chọn các phương án phát triển kinh tế - xã hội hoặc khi phải lựa chọn giữa phương án khai thác để phát triển hay bảo tồn hệ sinh thái biển đảo dẫn đến nảy sinh các vấn đề mâu thuẫn lợi ích sử dụng.

Trong khuôn khổ Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KC.09/11-15, Đề tài mã số KC.09.08/11-15 “Lượng giá kinh tế các hệ sinh thái biển - đảo tiêu biểu phục vụ phát triển bền vững một số đảo tiền tiêu ở vùng biển ven bờ Việt Nam” do Viện Hàn lâm KHCNVN chủ trì đã xuất bản tài liệu chuyên khảo “Lượng giá kinh tế các hệ sinh thái biển ở một số đảo trên vùng biển Việt Nam” – chủ biên Trần Đình Lân, 2018 đã cung cấp thông tin và phương pháp lượng giá kinh tế các hệ sinh thái ven biển đảo Việt Nam (Đảo Bạch Long Vĩ – Hải Phòng; Đảo Cồn Cỏ - Quảng Trị; Đảo Thổ Chu – Kiên Giang). Đây là cơ sở khoa học góp phần hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách trong việc đánh giá ra quyết định phát triển các vùng biển đảo ven bờ Việt Nam.

Diễn đàn thảo luận về Vịnh Nha Trang

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN THÀNH PHỐ NHA TRANG - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ KINH TẾ - SINH THÁI

PGS. TS. Võ Sĩ Tuấn, Viện Hải dương học

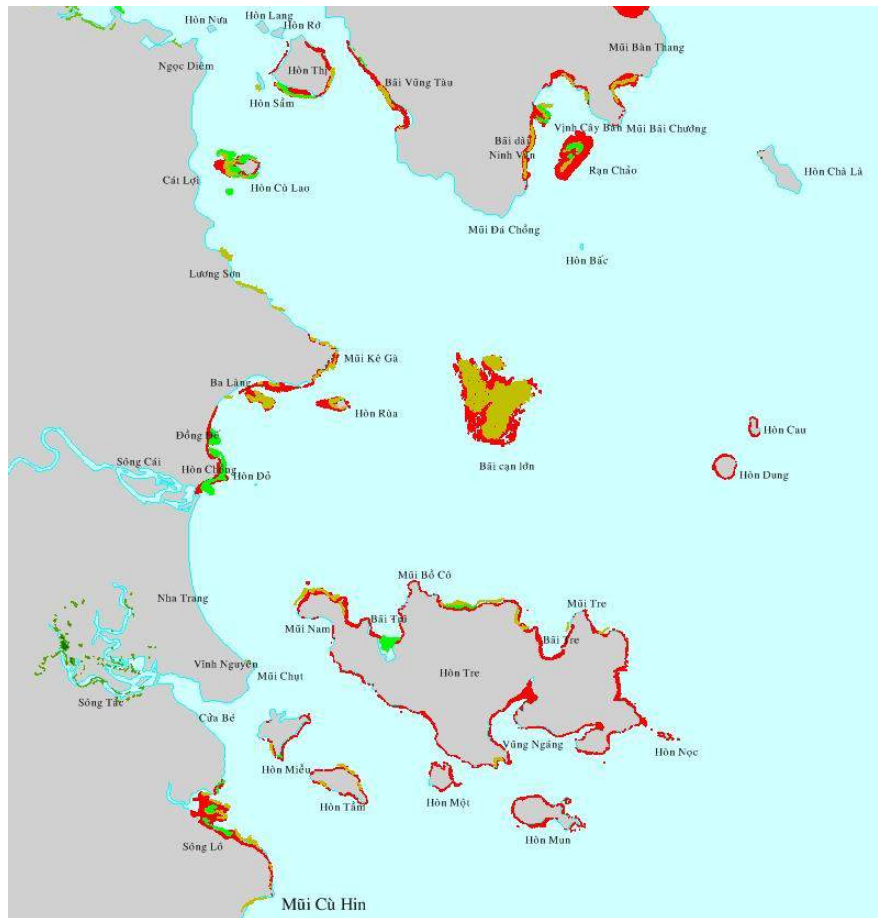
Tài nguyên hệ sinh thái biển

Biển Nha Trang bao gồm mặt nước và các đảo trong vịnh Bình Cang – Nha Trang và vùng thềm lục địa phía Đông. Theo quan điểm đới bờ, biển Nha Trang tiếp giáp 2 lưu vực gồm đồng bằng Nha Trang và Diên Khánh nằm ở hai bên sông Cái với diện tích khoảng 135 km²; đồng bằng Ninh Hòa do sông Dinh bồi đắp, có diện tích 100 km², bao bọc bởi vùng đồi núi kéo dài của dãy Trường Sơn, trong đó có dãy núi Hòn Bà với điểm cao nhất đạt 1.574 m. Hệ thống dòng chảy trong vịnh thay đổi theo mùa với sự tồn tại một dòng chảy dọc bờ từ Bắc xuống Nam trong mùa gió Đông Bắc và dòng chảy gần như theo hướng ngược lại tồn tại trong thời kỳ thịnh hành của gió mùa Tây Nam. Hệ thống dòng triều đi vào vịnh chủ yếu từ hai cửa phía Đông-Bắc (rộng và sâu) và cửa phía Nam (hẹp). Đây là vùng biển tương tác mạnh với biển mở do đường đẳng sâu 50 mét có xu thế song song song với bờ ngay ngoài cửa vịnh. Nước trời cũng xảy ra hàng năm vào mùa hè ở vùng ven biển phía Nam vịnh Nha Trang.

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên là tiền đề cho sự đa dạng của hệ sinh thái biển với nhiều dạng sinh cảnh khác nhau. Rừng ngập mặn từng là một sinh cư phong phú ven sông Quán Trường/Tắc và phụ cận nhưng hầu như đã bị xóa sổ để nuôi thủy sản trước đây và phát triển các khu du lịch và dân cư sau này. Trong 28 khu vực khảo sát trên toàn vịnh Nha Trang trong năm 2015, đã nghi nhận 6 khu vực có sự phân bố của thảm cỏ biển với tổng diện tích 52,4 ha, tập trung cao nhất ở Đầm Tre (20,7 ha), Sông Lô (15,9 ha) và Hòn Chồng (11,6 ha), còn Mũi Nam (Con Sẻ Tre), Hòn Một và Hòn Miếu có diện tích khá ít. Tổng số có 754 ha rạn san hô phân bố trong vịnh, trong đó Bãi Cạn Lớn (Grandbank) có diện tích lớn nhất với 427 ha, khu vực quanh đảo Hòn Tre phân bố 131,8 ha, các đảo khác có 90,6 ha và vùng ven bờ (Bãi Tiên, Đường Đệ, sông Lô) có 104,7 ha. Như vậy, rạn san hô là sinh cư phân bố phổ biến nhất ở thủy vực nước nông trong vịnh.

Theo một nghiên cứu đồng bộ tại 18 điểm rạn vào năm 2002, số loài của 4 nhóm chính (san hô cá, động vật đáy kích thước lớn, rong biển - tất cả đều có thể nhìn thấy bằng mắt thường) tại mỗi điểm dao động từ 198-341 loài, trung bình là 286 loài (SE = 12). Các điểm giàu có loài nhất là Hòn Cau (341 loài), Hòn Vung và Đông Hòn Tre (322 loài), Đông Nam Hòn Tre (319 loài), Tây Nam Hòn Mun (Morey beach, 308 loài), Hòn Nọc (302 loài) và Bãi Bằng (207 loài). Đây đều là những vùng xa bờ, ít ảnh hưởng của sông và vào thời điểm đó, ít bị tác động bởi sao biển gai và đánh bắt hủy diệt. Nghiên cứu đã ghi nhận trên 350 loài thuộc 64 giống san hô tạo rạn, 24 loài thuộc 5 giống san hô mềm, 3 loài san hô sừng (*Gorgonaea*) và 2 loài thủy tức san hô (*Millepora*) ở các rạn trong vịnh Nha Trang. San hô tạo rạn ở vùng nghiên cứu được coi là rất đa dạng và chiếm tới hơn 40 % tổng số loài trên thế giới và khoảng một nửa số loài của khu hệ Ấn Độ - Tây Thái Bình Dương. Thành phần loài san hô - nhóm chính tạo nên quần xã rạn san hô có cấu trúc thuộc vào 4 kiểu quần xã khác nhau và liên quan đến xu thế thay đổi tương tác

đất liền -biển và khác biệt về điều kiện môi trường. Số lượng trên 350 loài thuộc 64 giống, 15 họ san hô tạo rạn có thể so sánh với vùng rạn Vườn Quốc gia Bunaken (Indonesia) với tổng số 390 loài san hô tạo rạn thuộc 63 giống, 15 họ đã công bố. Chỉ số đa dạng nội vùng (*alpha diversity* - số loài trên 1 ha diện tích) của vịnh Nha Trang là 139 loài, tối đa > 190 loài, gần với giá trị trung bình là 155 loài (tối đa > 200 loài) đối với Bunaken. Tuy hai vùng khác nhau về diện tích và số điểm rạn khảo sát, so sánh với vùng rạn Bunaken của vùng biển Sulu - Sulawesi nằm trong Tam giác San hô đa dạng nhất thế giới cho thấy tính đa dạng rất cao của vịnh Nha Trang. Sự đa dạng này lên quan đến cho và nhận phát tán nguồn giống trên toàn vùng biển miền Nam, sự phù hợp về môi trường sống và tính dị thường của các sinh cư.



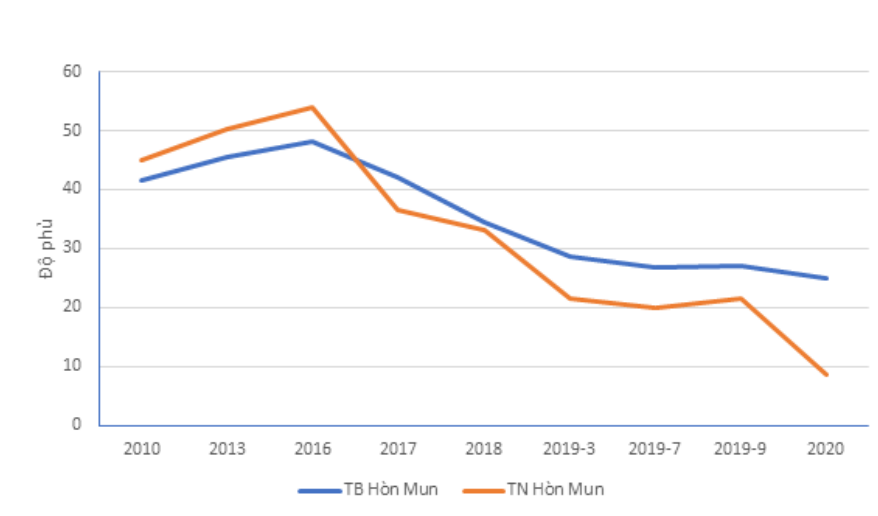
Hình 4: Phân bố các sinh cư tiêu biểu ở vịnh Bình Cang - Nha Trang
(chú thích: đỏ - rạn san hô, xanh biển - thảm cỏ biển, xanh là cây - rừng ngập mặn)

Thành phần các sinh vật rạn ở vịnh Nha Trang cũng rất đa dạng. Cá rạn san hô có thành phần trên 773 loài thuộc 285 giống và 75 họ, Động vật thân mềm bao gồm 106 loài thuộc 52 giống và 33 họ đã được ghi nhận. Các nhóm sinh vật đáy khác như giáp xác, da gai và giun nhiều tơ chỉ mới được nghiên cứu sơ bộ. Có 69 loài thuộc 39 giống giáp xác đã được ghi nhận trên các rạn trong vịnh Nha Trang, trong đó có sự hiện diện của 6 loài tôm hùm. Cũng đã phát hiện được 27 loài thuộc 20 giống động vật da gai, chủ yếu là những loài có kích thước lớn và 46 loài giun nhiều tơ thuộc 29 giống và 14 họ. Nghiên cứu so sánh cho phép kết luận rằng Nha Trang là vùng biển đa dạng bậc nhất ở Việt Nam. Chính sự đa dạng của san hô và các sinh vật rạn khác đã tạo nên cảnh quan kỳ thú dưới nước và đây cũng là tài nguyên đặc biệt

mà thiên nhiên ưu đãi cho Nha Trang – Khánh Hòa. Rạn san hô cũng đóng vai trò quan trọng cho sự giàu có nguồn lợi thủy sản và tạo môi trường cho sinh sản phát triển của thủy sinh vật.

Hiện trạng phát triển kinh tế biển

Với nhiều tài nguyên được thiên nhiên ưu đãi, thành phố Nha Trang đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế biển của tỉnh Khánh Hòa. Trong các ngành kinh tế biển xanh đang hiện hữu ở Nha Trang, du lịch biển là ngành chủ đạo, đã đạt nhiều thành tựu, nhất là về phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp và tổ chức nhiều loại hình khám phá, giải trí trên biển và trong lòng biển; định hướng phát triển cảng biển du lịch cũng đang đi vào thực tiễn. Tuy nhiên, phát triển hạ tầng du lịch ven bờ và trên đảo đang làm gia tăng lắng đọng trầm tích làm suy thoái môi trường biển. Cùng với một số hoạt động thiếu kiểm soát, chính du lịch đã góp phần hủy hoại cảnh quan các sinh cư trên cạn và dưới nước, đặc biệt là với rạn san hô – tài nguyên du lịch đặc biệt của Nha Trang với tính đa dạng rất cao và sinh cảnh đẹp. Ngay ở Hòn Mun – nơi được quy hoạch là vùng bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, tình trạng suy thoái cũng đã xảy ra, bắt đầu từ 2016 (Hình 5).



Hình 5: Suy giảm độ phủ san hô cứng (%) ở Hòn Mun, 2010-2020

Nghiên cứu trước đây cho thấy ngư dân ở các địa phương ven biển đạt được thu nhập 71,195 tỷ đồng nhờ khai thác thủy sản (gồm cả giống Cá mú và Tôm hùm) ở thủy vực Bình Cang - Nha Phu trong năm 2011. Đối với vịnh Nha Trang, nguồn lợi hải sản như cá dìa, nhum sọ, các loại ốc, mực, bào ngư, v.v. mang lại doanh thu trên 11 tỷ trong năm 2014. Riêng nguồn giống Tôm hùm (*Panulirus ornatus* và *P. homarus*) đạt doanh thu năm 2014 lên đến 32 tỷ đồng với 220.000 con giống được khai thác từ tự nhiên trong vịnh Nha Trang và lân cận. Doanh thu từ khai thác thủy sản tuy không lớn như một số ngành khác nhưng đây là hoạt động mang lại việc làm cho hàng ngàn dân và cung cấp hàng hóa thủy sản cho nhu cầu ẩm thực của người dân và khách du lịch. Tuy nhiên, ngành thủy sản đang đối mặt với nhiều vấn đề. Nuôi trồng thủy sản ven biển hầu như không còn do phát triển hạ tầng đô thị, nuôi biển bị du lịch đẩy lùi đến qui mô rất nhỏ và tạm bợ. Nguồn lợi thủy sản ở vùng biển trong vịnh đang bị khai thác quá mức. Hoạt động dịch vụ nghề cá và chế biến thủy sản có thể coi là điểm sáng nhưng đang đối diện với nhiều thách thức.

Bảo tồn biển là ngành kinh tế biển xanh quan trọng do hầu hết diện tích Vịnh Nha Trang nằm trong ranh giới Khu bảo tồn biển do Ban quản lý Vịnh Nha Trang điều hành. Tuy nhiên, hoạt động bảo tồn biển chưa đạt hiệu quả như mong đợi và chưa đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đặc biệt, tình trạng suy thoái rạn san hô đang xảy ra nghiêm trọng trong thời gian gần đây ở hầu hết các khu vực, kể cả trong vùng “bảo vệ nghiêm ngặt” của Khu bảo tồn.

Những việc cần làm

Về các ý tưởng liên quan đến quan điểm kinh tế - sinh thái, trước hết, cần xác định rõ là bảo tồn và phát triển đều cùng mục tiêu hướng đến sự bền vững. Vì vậy, trong nhận thức cần thống nhất là không có mâu thuẫn giữa hai phạm trù này. Việc khai thác tài nguyên nhằm bảo đảm sinh kế lâu bền của cộng đồng và lợi ích lâu dài của doanh nghiệp. Các chủ thể khai thác tài nguyên không lẽ gì lại không gắn trách nhiệm của mình với lợi ích mà mình được hưởng từ thiên nhiên. Nhận thức rằng tài nguyên thiên nhiên không là vô hạn, vì vậy, song song với khai thác, việc giữ gìn cho khai thác sử dụng lâu dài là tất yếu.

Theo các quan điểm trên, việc cần làm là phải thiết lập các vùng không khai thác sử dụng (no take zone) thực sự trong các Khu bảo tồn biển nhằm duy trì tài nguyên sinh vật và bảo tồn các loài quý hiếm, duy trì tài nguyên cho khai thác thủy sản bền vững và hoạt động dịch vụ du lịch của địa phương. Sự bền vững của nguồn lợi thủy sản còn phụ thuộc vào khả năng tái tạo tự nhiên của quần thể. Vì vậy, việc bảo vệ các bãi đẻ, ương giống của các loài nguồn lợi song song với bảo tồn sinh cảnh của chúng cần được coi trọng và triển khai theo hình thức thiết lập các khu bảo tồn nguồn giống thủy sản (*fisheries refugia*).

Đối với các khu vực biển được quy hoạch cho khai thác sử dụng, các cơ quan chức năng cần xây dựng chính sách để tạo cơ chế và có biện pháp thực thi việc doanh nghiệp và cộng đồng tham gia quản lý và sử dụng tài nguyên. Hiện nay, hầu hết các đảo và vùng ven biển đang được khai thác sử dụng bởi các doanh nghiệp du lịch. Việc giao mặt biển cho doanh nghiệp cũng đã được thực hiện nhưng hiệu quả quản lý và sử dụng còn nhiều bất cập. Du lịch trong vịnh Nha Trang là lĩnh vực đạt nhiều thành công nhất nhưng cũng gây ra những tác động lớn gây ra tình trạng suy thoái hệ sinh thái, suy giảm nguồn lợi và giảm thiểu lợi ích của các ngành kinh tế, kể cả đối với chính du lịch. Thiết nghĩ rằng vận mệnh của hệ sinh thái biển trong vịnh Nha Trang phụ thuộc vào thái độ ứng xử với thiên nhiên của các doanh nghiệp. Quy chế về sự tham gia của doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng tài nguyên nhằm phát triển du lịch sinh thái đã được đề xuất cuối năm 2018 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp quản lý hiệu quả mặt biển được giao và kiểm soát những tác động tiêu cực từ hoạt động của doanh nghiệp đối với tài nguyên môi trường biển. Rất tiếc là cho đến nay khung thể chế để thực hiện quy chế vẫn chưa được tỉnh thiết lập như đề xuất và hoạt động quản lý, sử dụng tài nguyên của doanh nghiệp vẫn mang tính tự phát.

Việc suy giảm của ngành thủy sản là vấn đề cần quan tâm, nhất là về phương diện xã hội. Thành phố cần chú trọng hơn trong phát triển dịch vụ nghề cá, đưa các cảng cá hoạt động nề nếp hơn, nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ và chế biến thủy sản, có phương án đào tạo, chuyển đổi tạo việc làm cho cộng đồng dân cư ven biển. Nuôi biển trên vùng biển mở là một hướng đi mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng đòi hỏi đầu tư và công nghệ với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn.

Phân vùng không gian biển theo quan điểm liên ngành sẽ là cơ sở cho sự phát triển hài hòa giữa các ngành kinh tế biển xanh và mang lại lợi ích tối đa về kinh tế - xã hội – môi trường của toàn thành phố. Du lịch được định hướng là ngành trọng điểm và cần gắn kết với bảo tồn biển nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn mà thiên nhiên ban tặng và là nền tảng bảo đảm tính khác biệt của du lịch Nha Trang cũng như hỗ trợ du lịch sinh thái phục vụ khách du lịch đẳng cấp cao. Du lịch kết hợp với nuôi biển công nghệ cao sẽ là hướng đi tạo ra những loại hình giải trí mới (khám phá công nghệ, câu cá thể thao). Nuôi thiên

nhiên các loài hải sản đắt tiền (hải sâm, bào ngư, vú nàng, ốc đụn) có thể được triển khai ở các vùng biển đang được giao cho các doanh nghiệp quản lý.

Theo quan điểm “từ đầu nguồn đến biển”, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ đất liền đối với vịnh Nha Trang và phát triển mạnh mẽ du lịch cao cấp của thành phố, việc đề nghị UNESCO công nhận phức hợp Hòn Bà - Sông Cái - vịnh Nha Trang là khu dự trữ sinh quyển thế giới đã được giới khoa học đề nghị và là hướng đi phù hợp thời đại của thành phố Nha Trang.

Biển Nha Trang với đường đẳng sâu 100m chạy gần bờ và chế độ thủy văn – động lực tạo giao lưu tốt với Biển Đông là vùng biển đa dạng hệ sinh thái với nhiều sinh cư, gồm rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, hệ đáy mềm, các bãi ngầm và hệ biển sâu. Đây là những điều kiện lý tưởng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo về biển. Hỗ trợ thúc đẩy phát triển các ngành đào tạo liên quan đến biển cũng như tạo môi trường cho các nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc là hướng đi mang lại nhiều lợi ích kinh tế thông qua dịch vụ đối với nguồn “khách du lịch dài hạn” này và qua tổ chức du lịch sự kiện. Điều này còn góp phần xây dựng Khánh Hòa thành trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về biển của cả nước.

Phát triển kinh tế biển ở Nha Trang đang là chủ đề nóng của nhiều diễn đàn, trong đó một số khái niệm như “kinh tế lấn biển”, “kinh tế đảo” được thảo luận như là những ngành kinh tế biển. Đây là những vấn đề cần được các chuyên gia kinh tế và hoạch định chính sách xem xét nghiêm túc và khách quan. Thảo luận và hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế biển bền vững ở Nha Trang cần được coi là việc cấp bách nhằm phát huy tối đa lợi thế “thiên thời, địa lợi” và tránh được những sai lầm không thể khắc phục về sau.



Các rạn san hô là nơi sinh sống và bảo vệ cho rất nhiều loài cá trong vịnh Nha Trang

NHA TRANG – KHÁNH HÒA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN

PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi, Phó Chủ tịch thường trực Hội Nghề cá Việt Nam

Nha Trang - các lợi thế vượt trội

Nha Trang là thành phố “đầu não” của tỉnh Khánh Hòa, thành lập năm 1977, được công nhận đô thị loại I vào năm 2009¹. Thành phố Nha Trang có diện tích tự nhiên khoảng 251 km², dân số là 535.000 người và có lịch sử - văn hóa gắn với người Chăm². Thành phố Nha Trang có lợi thế mặt tiền hướng biển với phần biển gồm toàn bộ vịnh cùng tên (rộng hơn 500 km²) và một phần đầm Nha Phu ở phía bắc, lưng tựa vào thế núi, dải đồng bằng ven biển hẹp, địa hình tương phản. Với 19 đảo lớn, nhỏ nằm rải rác xa, gần với tổng diện tích khoảng 37,8 km², trong đó lớn nhất là đảo Hòn Tre (rộng 36 km²) án ngữ phía đông - đông nam (Hình 6) khiến cho vịnh Nha Trang kín gió và êm sóng, cảnh quan thiên nhiên vừa kỳ vĩ vừa thơ mộng.



Hình 6: Vị trí thành phố Nha Trang (ảnh Google map)

Vịnh Nha Trang được công nhận là một trong những vịnh đẹp nhất thế giới (năm 2003). Ngoài cảnh quan “nổi” của các đảo, bờ biển, còn có cảnh quan “ngầm” của các rạn san hô trong làn nước xanh trong ví như một “Công viên của Vương quốc thủy tề”. Bên bờ vịnh là thành phố Nha Trang - một trung tâm du lịch lớn tầm quốc gia và khu vực ASEAN; là trung tâm kinh tế, khoa học - kỹ thuật và giáo dục đào tạo của tỉnh Khánh Hòa và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Vịnh Nha Trang còn được cho là "một trong những hình mẫu tự nhiên hiếm có của hệ thống vũng, vịnh trên thế giới" khi chứa đựng hầu hết các hệ sinh thái điển hình của vùng biển nhiệt đới, bao gồm đất ngập nước, rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, hệ sinh thái cửa sông, đảo và bãi cát ven bờ. Các hệ sinh thái này có nhiều chức năng sinh thái khác nhau, là “ngôi nhà chung” của hàng nghìn loài sinh vật biển, trong đó có hàng trăm loài thủy đặc sản và nguồn lợi Yến Sào nổi tiếng, và là nguồn vốn tự nhiên biển (Marine natural asset) để duy trì tăng trưởng xanh lam (Blue growth).

¹ Quyết định số 185/2009/QĐ-TTg ngày 22/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ

² Theo https://vi.wikipedia.org/wiki/Nha_Trang (xem ngày 16/03/2022)

Bên cạnh đó, biển Nha Trang cũng giàu tiềm năng bảo tồn thiên nhiên biển với Khu bảo tồn biển Hòn Mun đầu tiên của Việt Nam được thành lập vào năm 2001, đến năm 2004 đổi tên thành Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang với diện tích hơn 16.000 hecta (160 km²), gồm 9 đảo và vùng nước xung quanh³. Gần đây, vùng biển Khánh Hòa - Bình Thuận nói chung, biển Nha Trang nói riêng được xem là đỉnh của một “phụ tam giác san hô” mở rộng của “Tam giác san hô quốc tế” vào Biển Đông mà trung tâm là vùng biển quần đảo Trường Sa⁴. Có thể nói, đó là các giá trị toàn cầu và quốc gia - những giá trị “để đời” (Heritage) mà thành phố Nha Trang đang đảm trách việc gìn giữ.

Nha Trang là thành phố tập trung nhiều cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học biển nói riêng ở Việt Nam, như: Đại học Nha Trang, Đại học Khánh Hòa, Đại học Thái Bình Dương, Viện Hải dương học, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang, Viện Paster... Trong thời gian tới sẽ có Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương. Các cơ sở nghiên cứu và đào tạo nói trên đã và sẽ hỗ trợ Khánh Hòa đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học và công nghệ biển/đại dương phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

Như vậy, với sự phân hóa lãnh thổ vừa có núi, đồng bằng, vừa có vịnh, biển và đảo, cùng với điều kiện khí hậu ôn hòa, Nha Trang thực sự hội tụ các yếu tố của một đô thị biển (Coastal city) đẹp quyến rũ, đáng sống và giàu tiềm năng phát triển. Trên thực tế, biển đảo Nha Trang luôn đậm nét trong các chiến lược, chính sách phát triển của tỉnh Khánh Hòa nói riêng, Việt Nam nói chung. Và, kinh tế biển đã thực sự chiếm vị trí trọng yếu, có những đóng góp quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đó cũng là những lợi thế vượt trội đòi hỏi các giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững để kinh tế biển của thành phố Nha Trang phát triển đúng tầm.

Nha Trang phát triển bền vững kinh tế biển và một số thách thức

Các lợi thế vượt trội nói trên đã cung cấp tiền đề và nền tảng cho thành phố Nha Trang phát triển khá toàn diện kinh tế biển thời gian qua và được xác định là một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa cần ưu tiên đầu tư. Theo đó, du lịch trở thành ngành kinh tế then chốt, cùng với khai thác và nuôi trồng thủy sản, kinh tế hàng hải và cảng biển, kinh tế đô thị biển và một loạt dịch vụ đi kèm dựa trên thế mạnh của dải ven biển, biển và đảo.

Mỗi năm có khoảng hơn 5 triệu du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ dưỡng ở Nha Trang và lân cận; doanh thu du lịch liên tục gia tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 5%/năm. Cơ sở hạ tầng du lịch phát triển tốt, cơ bản hài hòa với cảnh quan ven biển và đảo, đặc biệt Hòn Mun là nơi đầu tiên tổ chức du lịch lặn biển ở nước ta để trải nghiệm, khám phá các rạn san hô dưới biển. Văn hóa biển bản địa bước đầu được lồng ghép vào các hoạt động du lịch của thành phố; các sự kiện quốc tế, khu vực và quốc gia được tổ chức ở Nha Trang cũng góp thêm một loại hình du lịch “đẳng cấp” cần tiếp tục phát huy. Năm 2019, tạp chí Forbes đã bình chọn bãi biển Nha Trang (dài khoảng 7 km, từ phía nam sông Cái Nha Trang đến Cầu Đá) là một trong mười bãi biển đẹp nhất Việt Nam⁵. Bên cạnh

³ Đặng Ngọc Thanh; Nguyễn Huy Yết (2009). Bảo tồn đa dạng sinh học biển Việt Nam. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

⁴ Võ Sĩ Tuấn (2014). Khu hệ san hô tạo rạn trong vùng biển Việt Nam. Trong “Kỷ yếu hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ II về đa dạng sinh học biển và phát triển bền vững, trang 315-322, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

⁵ Đan Q. Dao (29 tháng 6 năm 2019). The 10 Most Beautiful Beach Destinations In Vietnam”. Forbes (tiếng Anh), truy cập bản gốc lưu trữ ngày 27 tháng 1 năm 2022.

đó, một “tiểu đô thị đảo” sinh thái trên đảo Hòn Tre với tuyến cáp treo vượt biển dài nhất nhì thế giới và một vòng quay Vinpearl Sky Wheel lọt vào danh sách 10 vòng quay cao nhất thế giới⁶.

Năm 2019, trong vịnh Nha Trang có 156 bè và 4.076 ô nuôi thủy sản, chủ yếu là tôm hùm xanh và cá, tập trung tại Trí Nguyên và Bích Đàm với sản lượng nuôi đạt trung bình 300 tấn/năm⁷. Thành phố Nha Trang đã quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên vịnh Nha Trang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 với 3 khu nuôi trồng thủy sản chính: khu biển Hòn Miếu (14 ha), khu biển Bích Đàm (6 ha) và khu biển giữa đảo Bích Đàm và Đầm Báy (50 ha)⁸. Theo Viện Hải dương học, trong vịnh Nha Trang có 10 loại nghề khai thác hải sản chính: câu bủa, câu mực, lặn, lờ, lồng mực, lưới ba màng, lưới giũ, mảnh tôm, mảnh chông và xăm tôm. Thời gian khai thác diễn ra quanh năm, chia làm hai vụ chính: tháng 3 đến tháng 8 và tháng 10 đến tháng 2 âm lịch. Nguồn lợi khai thác tương đối đa dạng và khác nhau theo từng loại nghề, trong đó đa dạng nhất là các loài thân mềm, rong biển. Các nghề khai thác con giống trong vịnh Nha Trang chủ yếu tập trung vào giống tôm hùm.

Cảng Nha Trang đã được chuyển đổi thành cảng du lịch có khả năng tiếp nhận các tàu biển du lịch lớn và đã đón hàng trăm ngàn khách du lịch quốc tế đến thăm thành phố Nha Trang. Các bến thủy nội địa hàng năm cũng đón nhiều triệu khách du lịch nội địa tham quan các tuyến biển, đảo trong vịnh Nha Trang, đem lại nguồn thu lớn cho địa phương. Thành phố Nha Trang cũng tiến hành lập quy hoạch phân khu các đảo Hòn Một, Hòn Tre với định hướng xây dựng thành các trung tâm đô thị đảo sinh thái tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho mục đích du lịch trên cơ sở bảo tồn và phát huy thế mạnh về môi trường tự nhiên⁹.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển thành phố Nha Trang vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế¹⁰, như: môi trường đầu tư chưa “thông thoáng” nên chưa huy động được nhiều nguồn vốn cho phát triển các ngành kinh tế biển, nghiên cứu khoa học và điều tra cơ bản, cũng như bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Đầu tư cho phát triển hạ tầng, du lịch biển còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; chưa xem du lịch là một “ngành kinh tế tổng hợp”. Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế vốn có, chưa đa dạng hóa các loại hình du lịch để tạo dấu ấn và thương hiệu “biển Nha Trang”.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên biển theo hướng bền vững còn hạn chế, bất cập. Chưa chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, đầu đó vẫn còn “thụ động đối phó”. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường biển, đảo còn mang tính hình thức, phong trào, nên chưa tạo được các mô hình đồng quản lý (Co-management) trong bảo tồn bền vững vịnh Nha Trang, trong xử lý chất thải, nhất là chất thải rắn, bao gồm rác thải nhựa trong và từ thành phố Nha Trang. Chất lượng môi trường nước vịnh Nha Trang xấu đi đáng kể, trong khi các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn... suy giảm độ phủ và diện tích. Có nhiều nguyên nhân gây ra việc suy giảm này, như: khai thác thủy sản hủy diệt bằng chất nổ, chất độc trong quá khứ; môi trường xấu khiến san hô bị bệnh, bùng nổ sao biển gai; các hoạt động san lấp, lấn biển và du lịch; hiện tượng tẩy trắng san hô dưới tác động thiên tai, biến đổi khí hậu và biến đổi đại dương¹¹.

⁶ Minh Tuấn (30 tháng 8 năm 2017). “Bánh xe bầu trời” - kỷ lục mới ở Vinpearl Land Nha Trang. VietNamNet.

⁷ Theo trang https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%8Bnh_Nha_Trang

⁸ Đã dẫn TLTK số 10

⁹ Mộc Minh (2021). Nha Trang sẽ quy hoạch đảo Hòn Tre - Hòn Một trở thành đô thị du lịch sinh thái tiêu chuẩn quốc tế”. VnEconomy, truy cập ngày 1 tháng 1 năm 2022.

¹⁰ Phần này có tham khảo thêm Báo cáo tham luận (2022) của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về “Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế biển tại tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Khánh Hòa.

¹¹ Tham khảo thêm thông tin của Vân Nga (2021). “TS. Hoàng Xuân Bền: Đã xác định được 9 loài san hô cứng có khả năng phục hồi ở vịnh Nha Trang”. Bản tin Khoa học và Công nghệ (75), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Tr. 1-4, Hà Nội.

Nha Trang – Nhiệm vụ và giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển

Đối chiếu với quan niệm về kinh tế biển và phân ngành kinh tế biển, thì ngoài các ngành kinh tế thuần biển (Ocean economy), thì các ngành kinh tế dựa vào biển (Ocean-based) và liên quan đến biển (Ocean-related) cũng phát triển khá đa dạng ở Nha Trang. Nghĩa là, khi nói đến kinh tế biển Nha Trang cũng đồng nghĩa với kinh tế đô thị trong quá trình phát triển thành phố Nha Trang. Hiện nay, thành phố Nha Trang đang cùng toàn tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹²; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng với những “khát vọng phát triển” đến năm 2025, 2030 và 2045; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, thành phố Nha Trang đóng vai trò đô thị “hạt nhân” và tỉnh Khánh Hòa sẽ trở thành đô thị trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

Để Nha Trang phát triển xứng tầm, trong quá trình điều chỉnh, mở rộng không gian đô thị cần chú ý kết nối hợp lý các mảng không gian đô thị ven biển hiện tại với không gian biển – đảo ở phía đông và không gian sông – núi ở phía tây. Ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở phát huy các thế mạnh và lợi thế vốn có của mảnh đất Nha Trang đã nói trên. Bảo đảm hài hòa giữa phát triển và bảo vệ, đặc biệt là bảo tồn các giá trị di sản trong vịnh Nha Trang với việc phát triển các ngành kinh tế dựa vào bảo tồn (Conservation-based economy), thân thiện với môi trường, “thuận thiên”, như: du lịch biển – đảo bền vững, nghề cá biển giải trí (câu cá giải trí, đánh cá giải trí, lặn ngắm cá giải trí, phục hồi cá cảnh rạn san hô), phát triển nuôi trồng bền vững ở vùng đệm gắn với cải thiện sinh kế cộng đồng dân cư sống trong và lân cận khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang. Những giải pháp cơ bản hỗ trợ cho kinh tế biển Nha Trang phát triển bền vững, khắc phục được các rào cản và thách thức đã nhận diện, đáng kể là:

(i) Quán triệt và tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị trong quá trình điều chỉnh quy hoạch và tổ chức lại không gian phát triển thành phố Nha Trang, phù hợp với tầm nhìn và mục tiêu xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa thành đô thị trực thuộc Trung ương đến năm 2030.

(ii) Quản lý tổng hợp thành phố Nha Trang (trên đất liền, trên một số đảo) và vịnh Nha Trang theo cách tiếp cận quản trị không gian, liên vùng, liên ngành, liên cơ quan nhằm hài hòa giữa phát triển và bảo tồn, giảm thiểu mâu thuẫn lợi ích (Benefit conflict) và xung đột không gian (Spatial conflict) của tập thể và cá nhân trong khai thác, sử dụng cùng một vùng bờ biển, vịnh vịnh và đảo.

(iii) Kiểm soát hiệu quả các nguồn phát thải và các loại chất thải từ đất liền đổ vào vịnh Nha Trang, đặc biệt là chất thải nguy hại, chất thải rắn (bao gồm rác thải nhựa); cũng như các vật, chất nhận chìm xuống biển; phòng ngừa và ứng cứu các sự cố tràn dầu trong vịnh Nha Trang và lân cận.

(iv) Giám sát hiệu quả mức độ tuân thủ của các nhà đầu tư phát triển trong quá trình triển khai các dự án phát triển các khu đô thị ven biển, ven sông, trên núi và trên đảo thuộc thẩm quyền thành phố quản lý dựa trên các bộ tiêu chí cụ thể và các mục tiêu xác định trong các quy hoạch được duyệt.

(v) Bảo tồn nguồn vốn tự nhiên biển để phát triển kinh tế biển xanh gắn với phát huy các giá trị văn hóa biển đặc trưng Nha Trang; phục hồi các hệ sinh thái tiêu biểu trong vịnh Nha Trang đã bị suy thoái, bị suy giảm diện tích, trước hết là rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn.

¹² Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(vi) Phát triển thủy sản bền vững, khuyến khích các mô hình nuôi thủy sản trong các eo vịnh với công nghệ cao, thân thiện với môi trường; kiên quyết xử lý các hoạt động nuôi biển thiếu bền vững trong vịnh Nha Trang; ưu tiên khai thác thủy sản xa bờ.

(vii) Phát triển đô thị gắn với kinh tế đô thị, chú trọng phát triển các dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao, ít chất thải; hướng tới một đô thị thông minh, sinh thái, an ninh, an toàn và an sinh cho cộng đồng.

(viii) Cần xem: Thành phố Nha Trang thông minh, đáng sống trên đất liền, Tiểu đô thị sinh thái đảo Hòn Tre và vịnh đẹp Nha Trang là 3 mảng không gian không thể tách rời của một thành phố Nha Trang “hạt nhân, đầu não” theo yêu cầu của NQ-09.

(ix) Áp dụng các giải pháp quản lý biển và tài nguyên - môi trường biển dựa vào cộng đồng dân cư ven biển và trên các đảo; lôi cuốn sự tham gia của các doanh nghiệp. Sớm xây dựng và triển khai một “Kế hoạch hành động hồi phục vịnh Nha Trang” gồm những nhiệm vụ cụ thể để “cứu vịnh đẹp”, làm căn cứ huy động nguồn lực đầu tư công và khu vực tư nhân; thực hiện đến năm 2030.



Thành phố Nha Trang nhìn từ trên cao (Ảnh Efired/Shutterstock)